



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024



Kinh tế vĩ mô năm 2024: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu về cơ bản phục hồi ổn định nhưng chưa đồng đều; Lạm phát tiếp tục giảm và được kiểm soát hiệu quả tại nhiều nền kinh tế; Thương mại toàn cầu khởi sắc; Các điều kiện tài chính tiếp tục được nới lỏng dần;
- Thị trường ngoại hối chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của đồng bạc xanh và giá vàng giao dịch trên thị trường;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm, chỉ số MSCI ACWI ở mức 841,332 điểm, tăng 15,73%.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục tăng trưởng tích cực trong bối cảnh trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, GDP cả năm đạt 7,09%;
- Vốn đầu tư toàn xã hội giảm trở lại so với năm ngoái; Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tăng trưởng tốt nhất từ trước đến nay;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9%;
- Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tăng so với năm trước, trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 14,3% và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng 16,7%; Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng đạt mục tiêu Quốc hội đề ra ở mức 3,63%;
- Lãi suất huy động có diễn biến trái chiều; Lãi suất liên ngân hàng đã tăng mạnh trở lại ở hầu hết các kỳ hạn;
- Tỷ giá USD/VND có diễn biến phù hợp; Giá vàng tiếp tục tăng;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với cuối năm 2023;
- Kho bạc Nhà nước huy động thành công 330.376 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu, hoàn thành 82,6% kế hoạch cả năm 2024;
- Tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410.544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32.914 tỷ đồng.

MỤC LỤC

I. KINH TẾ THẾ GIỚI	4
1. Các diễn biến kinh tế quan trọng	4
II. KINH TẾ TRONG NƯỚC	9
1. Tăng trưởng kinh tế.....	9
2. Lạm phát.....	15
3. Thu chi ngân sách Nhà nước.....	16
4. Tình hình doanh nghiệp	17
5. Tình hình lao động việc làm	18
6. Diễn biến thị trường tài chính	20

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Các diễn biến kinh tế quan trọng

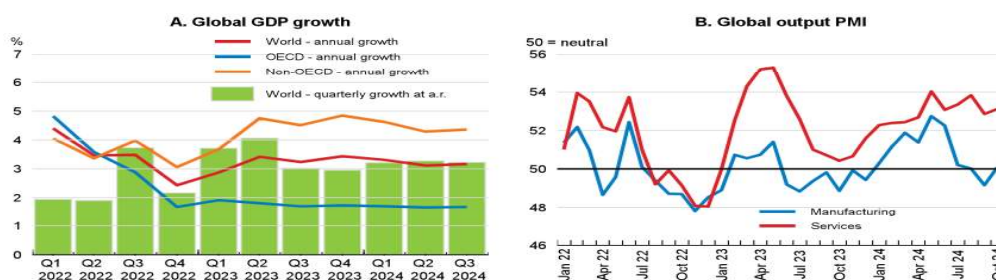
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu về cơ bản phục hồi ổn định nhưng chưa đồng đều

Kinh tế toàn cầu năm 2024 đã có được những kết quả tích cực trong bối cảnh còn nhiều bất ổn. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được nhìn nhận hồi phục ổn định, dự báo gần đây nhất của IMF, OECD đều cho rằng kinh tế thế giới có thể đạt được mức tăng trưởng 3,2% trong năm nay. Trong đó, các diễn biến mở rộng của khu vực dịch vụ có đóng góp quan trọng, hoạt động thương mại đã phục hồi, niềm tin kinh doanh và người tiêu dùng được củng cố, thị trường việc làm được cải thiện và lạm phát đã giảm đáng kể.

Trong số các nền kinh tế phát triển, kinh tế Mỹ tiếp tục phục hồi vững chắc, được hỗ trợ mạnh mẽ bởi tiêu dùng trong nước. Kinh tế khu vực Châu Âu cũng đã có những chuyển biến khả quan hơn so với năm ngoái, tuy nhiên các tín hiệu cải thiện chưa diễn ra đồng đều giữa các nền kinh tế trong khu vực, nhất là những nước đầu tàu như Đức, Pháp,... tín hiệu suy thoái về mặt kỹ thuật còn diễn ra tại một số nước như Hungary, Latvia. Đáng chú ý là, đà thu hẹp trong lĩnh vực sản xuất đang có xu hướng lan ra khu vực dịch vụ trong những tháng gần đây. Ngoài ra các diễn biến kinh tế của một số quốc gia phát triển khác như Anh, Úc, Nhật Bản đang có tín hiệu đình trệ vào cuối năm.

Điểm sáng nổi bật nữa của kinh tế toàn cầu trong năm 2024 là sự đóng góp của các nền kinh tế mới nổi như Brazil, Indônêsi, Argentina, Ấn Độ. Đáng chú ý là các tín hiệu phục hồi của Trung Quốc sau khi Chính phủ nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ tài chính, nền kinh tế đã tăng tốc trở lại vào quý III, các hoạt động sản xuất đã được cải thiện trở lại nhờ có nhu cầu xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh. Tuy nhiên nhu cầu trong nước vẫn còn yếu, những yếu kém trong khu vực bất động sản vẫn còn tồn tại.

Tăng trưởng kinh tế và sản lượng trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ toàn cầu

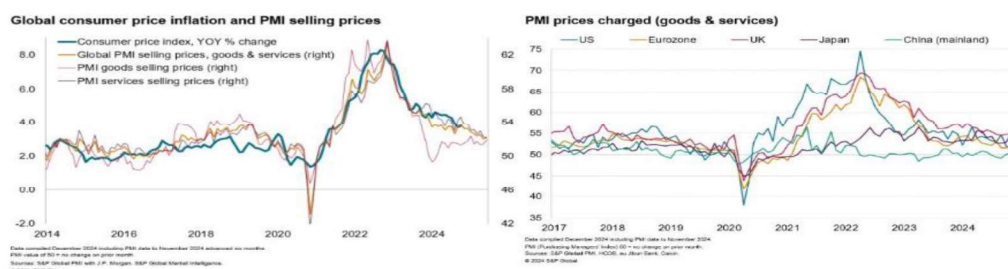


Lạm phát tiếp tục giảm và được kiểm soát hiệu quả tại nhiều nền kinh tế

Năm 2024 tiếp tục ghi nhận thêm các diễn biến tích cực của lạm phát và giá cả. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm từ 6,7% về 5,8% trong năm 2024. Lạm phát tổng thể đã giảm sát về gần mục tiêu tại nhiều nền kinh tế phát triển và mới nổi. Riêng diễn biến lạm phát của Trung Quốc và Nhật Bản hiện có xu hướng khác biệt so với các nền kinh tế khác. Theo đó, do tác động của nhu cầu yếu và giá thực phẩm giảm liên tục, lạm phát tại Trung Quốc đã có mức độ tăng trưởng âm trong một số tháng. Lạm phát hiện đã tăng trở lại mặc dù còn ở mức thấp.

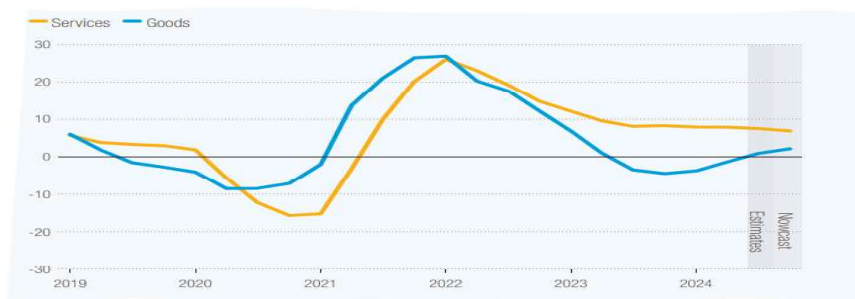
Bên cạnh đó, lạm phát của Nhật Bản đã liên tục tăng trở lại sau thời gian giảm phát kéo dài và hiện đã cao hơn vùng mục tiêu.

Diễn biến tích cực của lạm phát là do giá cả hàng hóa toàn cầu đã giảm năm thứ hai liên tiếp, chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu theo công bố của Ngân hàng thế giới giảm khoảng 2,7%. Trong đó, đáng chú ý là mức giảm giá nhóm hàng năng lượng ở mức lớn hơn 5%; tiếp đến là mức giảm hơn 7% của nhóm hàng thực phẩm, nhất là ngũ cốc và các loại thịt, cá với mức giảm ước khoảng lớn hơn 10% và 15%; và mức giảm mạnh lên đến 23% của nhóm hàng phân bón. Đáng chú ý là chi phí nhà ở đã tạo áp lực lên lạm phát tại nhiều quốc gia trong bối cảnh nhu cầu tăng mạnh nhưng nguồn cung hạn chế.



Thương mại toàn cầu khởi sắc

Năm 2024, thương mại toàn cầu đã có diễn biến tích cực hơn năm 2023, khối lượng giao dịch thương mại phục hồi ổn định. Theo báo cáo mới nhất của UNCTAD, thương mại toàn cầu dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 3,3%, đạt khoảng 33 nghìn tỷ USD, lớn hơn khoảng 1 nghìn tỷ USD so với năm trước. Trong đó, thương mại dịch vụ tăng trưởng dự kiến đạt 7%, đóng góp khoảng 500 tỷ USD vào quy mô chung và thương mại hàng hóa dự báo tăng chậm hơn, ở mức 2%. Thương mại có được sự phục hồi tích cực tại các nền kinh tế phát triển, trong đó nổi bật nhất là Mỹ và có diễn biến khó khăn hơn tại các nước đang phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Á. Ngoài ra, những khó khăn liên quan đến chuỗi cung ứng trong hoạt động thương mại năm 2024 đã dần được cải thiện, nhất là chi phí vận chuyển mặc dù thời gian chuyển hàng và chi phí kho bãi vẫn còn một số tồn tại.



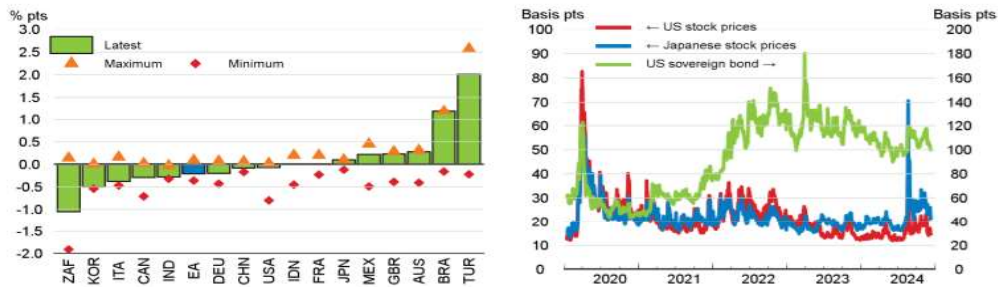
Trong hoạt động thương mại toàn cầu năm 2024, các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghệ như truyền thông, công nghệ thông tin và lĩnh vực may mặc ghi nhận mức độ tăng trưởng tốt tại nhiều thị trường, nhất là khu vực Châu Á. Bên cạnh đó, lĩnh vực phương tiện đi lại như ô tô; năng lượng, kim loại, dệt may đang có xu hướng giảm, số liệu theo quý mới nhất cho thấy mức giảm dao

Các điều kiện tài chính tiếp tục được nới lỏng dần

động trong khoảng từ 2% – 4%.

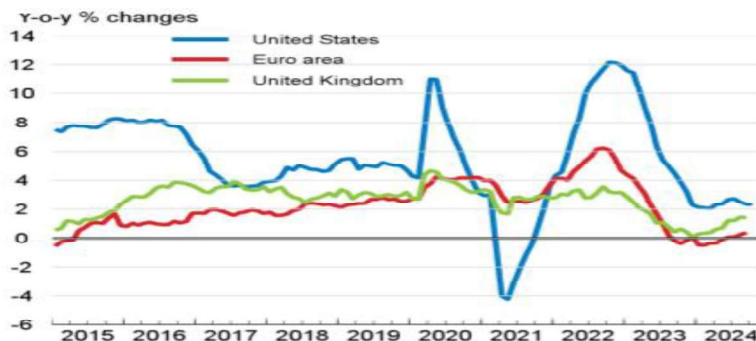
Năm 2024 tiếp tục ghi nhận thêm nhiều quyết định cắt giảm lãi suất của NHTW tại các nền kinh tế phát triển và mới nổi, làn sóng cắt giảm lãi suất trong năm nay được bắt đầu tại khu vực Châu Âu trong nửa đầu năm và trạng thái này tiếp tục được lan tỏa rộng trong thời gian còn lại của năm, nhất là sau khi FED công bố cắt giảm lãi suất điều hành lên đến 50 điểm cơ bản. Nhờ đó, lãi suất dài hạn đã có xu hướng giảm vừa phải, chênh lệch lợi tức trái phiếu kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn đã ở trạng thái dương tại nhiều nền kinh tế lớn như Mỹ, khu vực Châu Âu. Lợi tức trái phiếu có diễn biến trái chiều tại các nền kinh tế mới nổi, phụ thuộc vào diễn biến lạm phát tại mỗi nước.

Diễn biến lợi tức trái phiếu và chỉ số tài chính tại một số nền kinh tế



Bên cạnh đó, trong môi trường lãi suất chính sách được cắt giảm rộng rãi, lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay cũng có xu hướng giảm. Lãi suất tiền gửi được cắt giảm với tốc độ mạnh hơn, nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và người dân đã tăng trở lại mặc dù các tiêu chuẩn tín dụng vẫn còn chặt chẽ khi nợ xấu vẫn có xu hướng gia tăng.

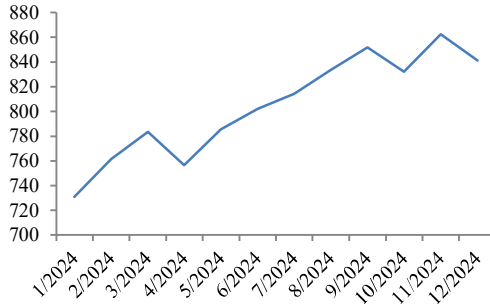
Diễn biến tăng trưởng tín dụng tại các khu vực và nền kinh tế tiên tiến



Ngoài ra, năm 2024 cũng đã chứng kiến diễn biến bùng nổ của thị trường chứng khoán toàn cầu, chỉ số MSCI ACWI kết thúc năm tăng 15,73% so với năm 2023. Các chỉ số chứng khoán quan trọng có diễn biến tăng điểm ngay từ đầu năm tại các thị trường phát triển như Mỹ, khu vực Châu Âu, có biến động mạnh trong quý III và bật tăng trở lại trong quý IV với sự phục hồi ấn tượng tại nhiều thị trường lớn tại khu vực Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan. Xu hướng tăng trưởng tích cực của thị trường chứng khoán ghi nhận sự đóng góp

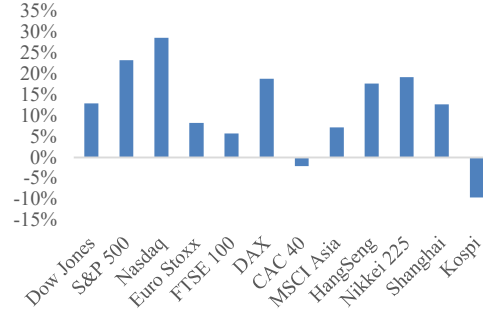
lớn của nhóm ngành công nghệ, nổi bật là những công ty công nghệ lớn của Mỹ, nhất là những công ty có lợi thế về mô hình AI, tốc độ tăng trưởng giá trị đã lớn hơn 100%.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI trong năm 2024



Nguồn: msci.com

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong năm 2024

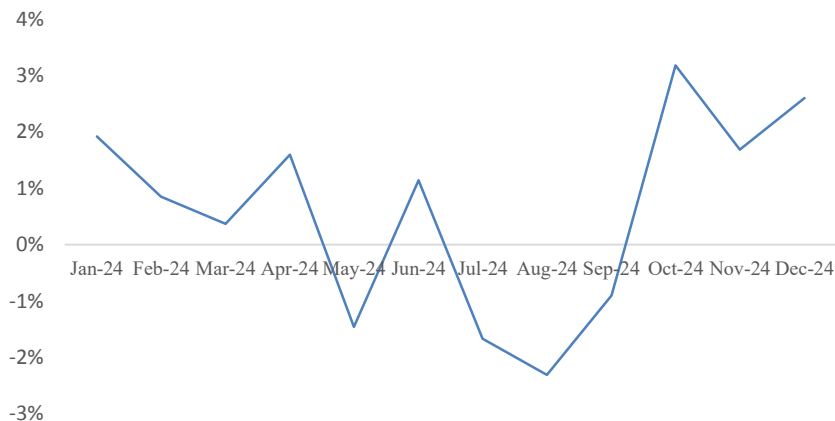


Nguồn: Bloomberg

Thị trường ngoại hối chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của đồng bạc xanh và giá vàng giao dịch trên thị trường

So với năm 2023, thị trường ngoại hối năm 2024 đã ghi nhận diễn biến đảo chiều giữa các cặp đồng tiền giao dịch. Trong đó, đáng chú ý nhất là sự tăng giá của đồng USD so với hầu hết các đồng tiền mạnh khác. Chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn đã tăng khoảng 7% so với mức độ giảm 2% trong năm ngoái, diễn biến tăng gần như diễn ra liên tục trong nửa đầu năm, điều chỉnh giảm rõ nét trong quý III trước những quan ngại về diễn biến kinh tế Mỹ. Tuy nhiên sức mạnh của đồng bạc xanh đã được củng cố mạnh mẽ trở lại trong quý IV, đặc biệt khi bất ổn địa chính trị gia tăng và sự trở lại chính trường của ông Donald Trump sau kết quả bầu cử Mỹ diễn ra vào đầu tháng 11/2024. Đối lập với sự tăng tốc trở lại của đồng USD, đồng JPY kết thúc năm tiếp tục giảm liên tục so với đồng USD trong nhiều năm liên tiếp, giảm hơn 10%. Diễn biến của đồng JPY chưa có được sự hỗ trợ từ các diễn biến kinh tế vĩ mô, chịu tác động mạnh bởi sự phân kỳ trong quan điểm điều hành CSTT với các nước lớn, nhất là Mỹ và nhu cầu nắm giữ tiếp tục suy yếu trên thị trường.

Tốc độ tăng trưởng USD index so với tháng trước



Nguồn: investing.com

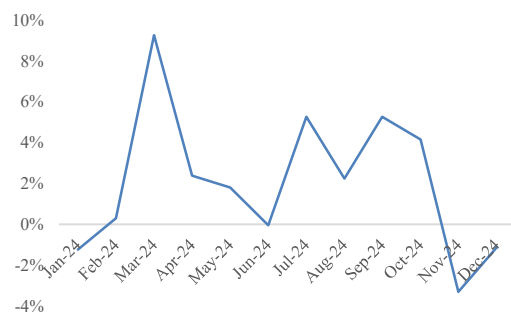
Tốc độ tăng trưởng của các đồng tiền mạnh so với tháng trước



Nguồn: investing.com

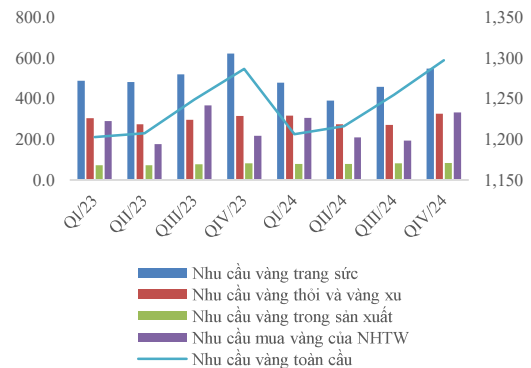
Trong khi đó, năm 2024 cũng chứng kiến sự tăng tốc của giá vàng, ghi nhận mức độ tăng trưởng lớn hơn gấp hai lần so với năm ngoái, tăng hơn 26%. Giá vàng đã thiết lập nhiều mức giá cao mới với xu hướng tăng là chủ yếu, đồng thời, cũng ghi nhận nhiều tháng tăng giá mạnh, tăng lớn hơn 5%/tháng giao dịch. Kết thúc năm, giá vàng giao ngay và kỳ hạn lần lượt được giao dịch tại thời điểm khảo sát ở mức 2.623,81 USD/ounce và 2.641 USD/ounce.

Tốc độ tăng trưởng giá vàng thế giới so với tháng trước



Nguồn: investing.com

Nhu cầu vàng thế giới theo quý (2023-2024)



Nguồn: gold.org

II. KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi tích cực

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn quý IV các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024¹, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,99%, đóng góp 4,86% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,35%, đóng góp 44,03%; khu vực dịch vụ tăng 8,21%, đóng góp 51,11%.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024². Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

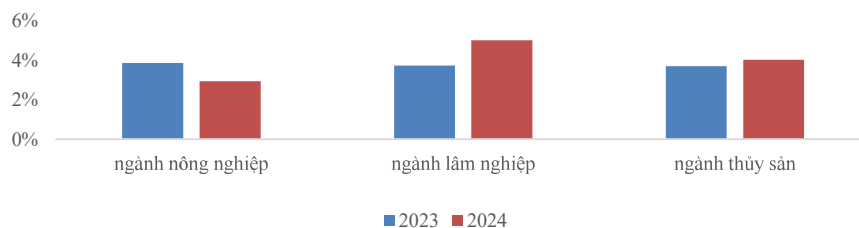
Diễn biến tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2024



Nguồn: TCTK

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt mức tăng trưởng tích cực 3,27% mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ. Trong đó, sản lượng nhiều nông sản tăng cao, chăn nuôi phát triển ổn định, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng khá. Cụ thể, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 2,94% so với năm trước, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,03%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,03%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản



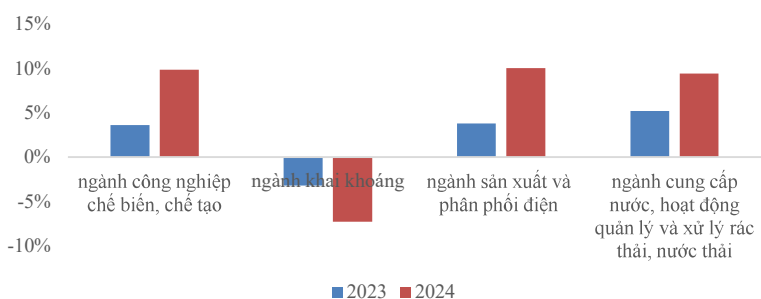
Nguồn: TCTK

¹ Tốc độ tăng GDP quý IV các năm 2011-2024 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 7,05%; 5,99%; 6,38%; 7,29%; 7,38%; 7,49%; 8,18%; 7,78%; 7,52%; 4,69%; 5,23%; 6,26%; 6,76% và 7,55%.

² Tốc độ tăng GDP các năm 2011-2024 lần lượt là: 6,41%; 5,50%; 5,55%; 6,42%; 6,99%; 6,69%; 6,94%; 7,47%; 7,36%; 2,87%; 2,55%; 8,54%; 5,07% và 7,09%.

+ Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024³, đóng góp 2,7 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%, thấp hơn mức tăng các năm 2011, 2016, 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024⁴, đóng góp 2,49 điểm phần trăm. Ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,43%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,05%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 7,24%, làm giảm 0,21 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 7,87%, đóng góp 0,57 điểm phần trăm.

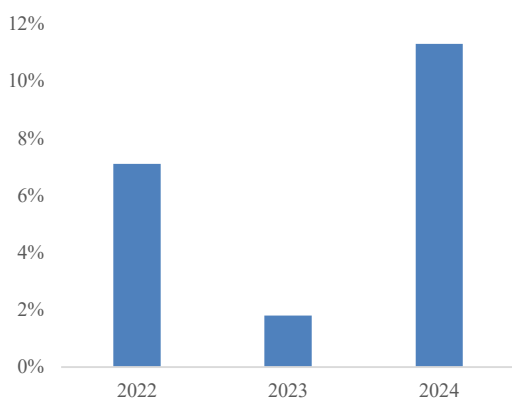
Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực công nghiệp



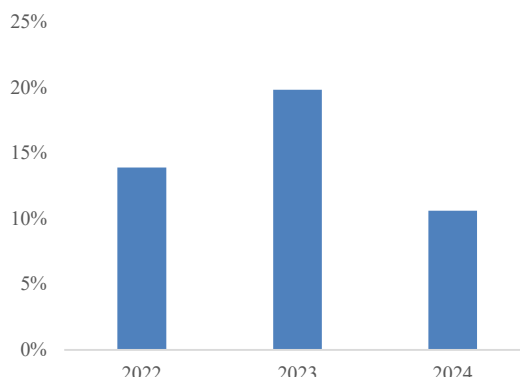
Nguồn: TCTK

Tính chung cả năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,3% so với năm trước – cao hơn mức tăng 1,6% của năm 2023. Trong khi đó, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/12/2024 tăng 10% so với cùng thời điểm năm trước. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân năm 2024 là 77,1%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành CN chế biến, chế tạo so với cùng kỳ (2022 - 2024)



Chỉ số tồn kho toàn ngành CN chế biến, chế tạo so với cùng kỳ (2022 - 2024)



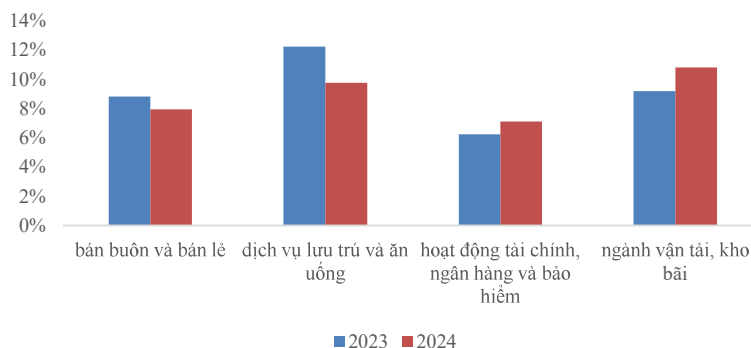
Nguồn: TCTK

³ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp các năm 2019-2024 so với năm trước lần lượt là: 8,14%; 3,77%; 4,06%; 8,52%; 2,99% và 8,32%.

⁴ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo các năm 2011-2024 so với năm trước lần lượt là: 12,59%; 8,38%; 6,50%; 6,50%; 9,19%; 11,14%; 12,13%; 11,48%; 9,59%; 4,99%; 5,37%; 8,99%; 3,61% và 9,83%.

+ Khu vực dịch vụ: trong năm 2024, hoạt động thương mại, du lịch duy trì tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Trong đó, một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn đã đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như ngành bán buôn và bán lẻ tăng 7,96% so với năm trước, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%, đóng góp 0,68 điểm phần trăm; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,11%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,76%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm.

Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực dịch vụ



Nguồn: TCTK

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14% (Cơ cấu tương ứng của năm 2023 là 11,86%; 37,58%; 42,30%; 8,26%).

Về sử dụng GDP năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% so với năm 2023; tích lũy tài sản tăng 7,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,45%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,10%.

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD⁵. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng duy trì xu hướng tăng

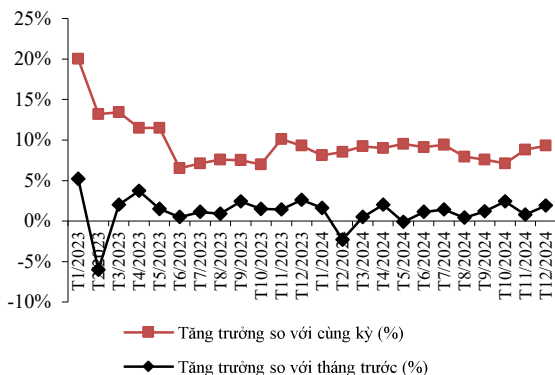
Tính chung cả năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9% (năm 2023 tăng 6,8%).

Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 4.921,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 77% tổng mức và tăng 8,3% so với năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 733,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,5% tổng mức và tăng 12,9%. Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 62,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 1% tổng mức

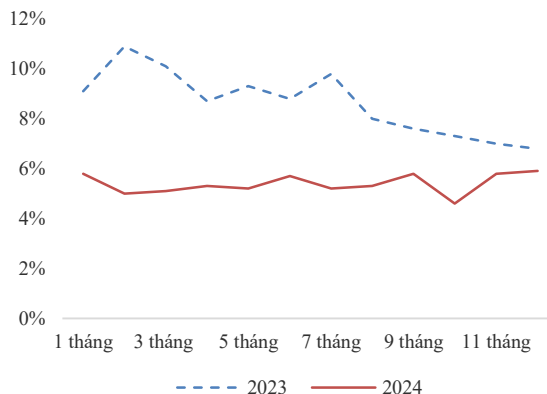
⁵ Tỷ giá trung tâm VND/USD bình quân năm 2024 là 24.170,59 đồng.

và tăng 16% do các địa phương ngay từ đầu năm đã tích cực đẩy mạnh xúc tiến du lịch, tăng cường thu hút khách trong nước và quốc tế. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 672,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% tổng mức và tăng 9%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)

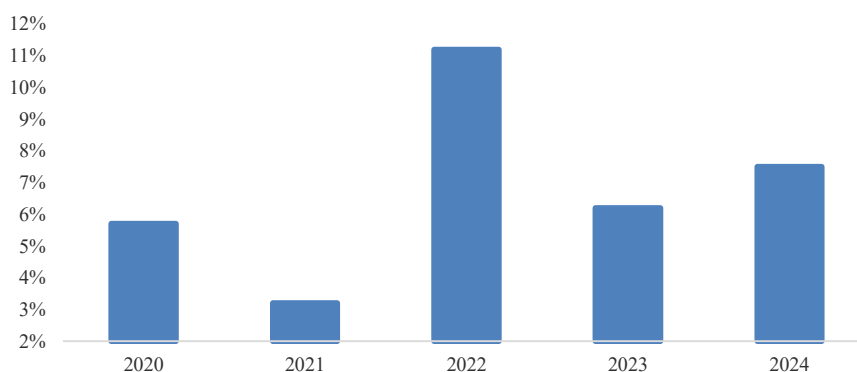


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục tăng trưởng tốt

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trong năm 2024 theo giá hiện hành ước tính đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm trước. Cụ thể, vốn khu vực Nhà nước đạt 1.019,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,6% tổng vốn và tăng 5,3% so với năm trước (trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024 tăng 3,3% so với năm trước); khu vực ngoài Nhà nước đạt 2.064,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,9% và tăng 7,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 608,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,5% và tăng 10,6%.

Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 2020 – 2024

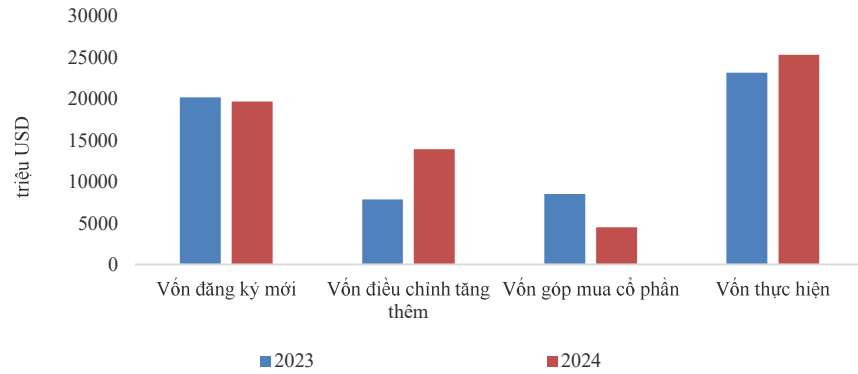


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đã giảm trở lại so với năm ngoái

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: (i) Số vốn đăng ký cấp mới đạt 19,73 tỷ USD; (ii) Vốn đăng ký điều chỉnh là 13,96 tỷ USD; (iii) Giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 4,54 tỷ USD.

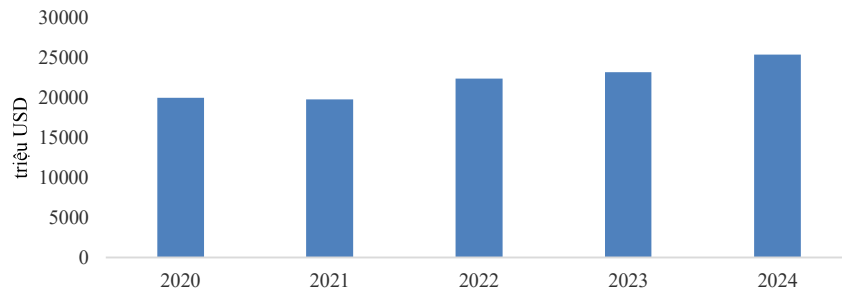
Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2023 - 2024



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2024 ước tính đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước.

Diễn biến vốn FDI thực hiện giai đoạn 2020 – 2024



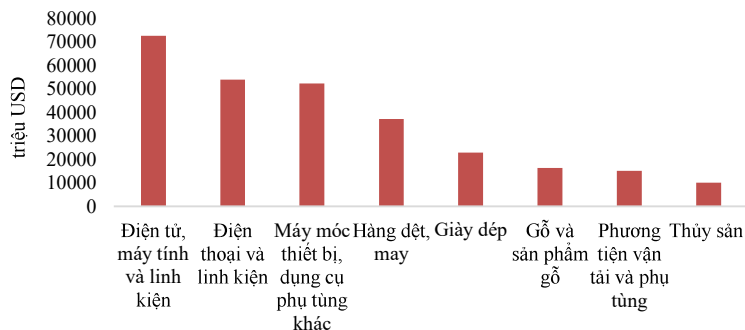
Nguồn: TCTK

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tăng so với năm trước

Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 114,59 tỷ USD, tăng 19,8%, chiếm 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 290,94 tỷ USD, tăng 12,3%, chiếm 71,7%.

Trong đó, có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, có 08 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69%.

Diễn biến một số mặt hàng xuất khẩu năm 2024

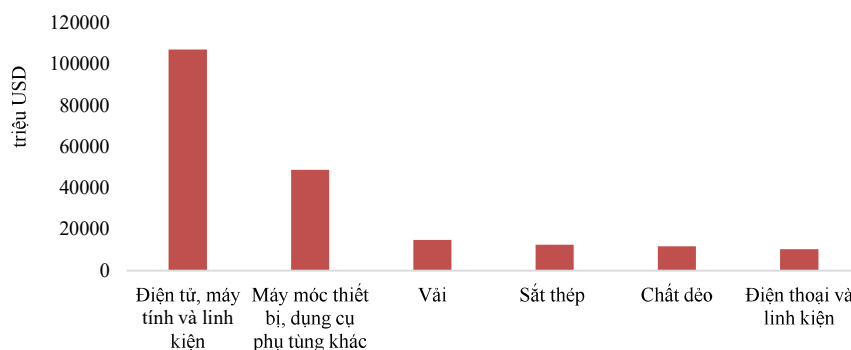


Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2024 ước đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 140,11 tỷ USD, tăng 19,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 240,65 tỷ USD, tăng 15,1%.

Trong kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, có 06 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 54%.

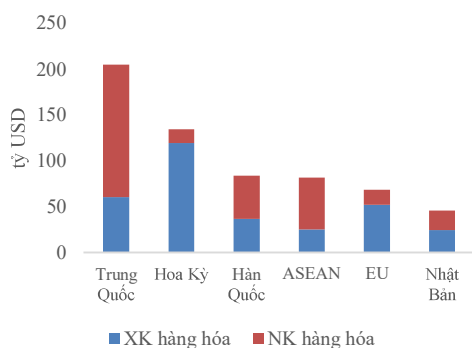
Diễn biến một số mặt hàng nhập khẩu năm 2024



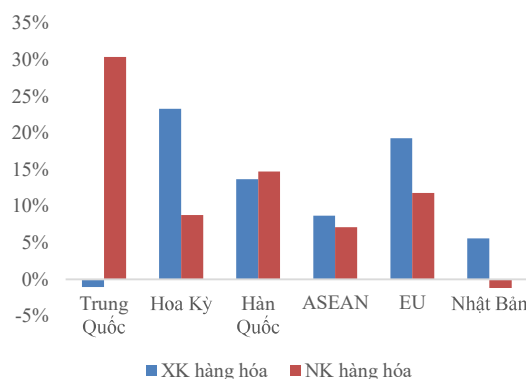
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu dẫn đầu với kim ngạch ước đạt 119,6 tỷ USD, xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 104,6 tỷ USD tăng 25,6% so với năm trước. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 144,3 tỷ USD, nhập siêu từ Trung Quốc 83,7 tỷ USD, tăng 69,5%.

Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước so với cùng kỳ năm trước

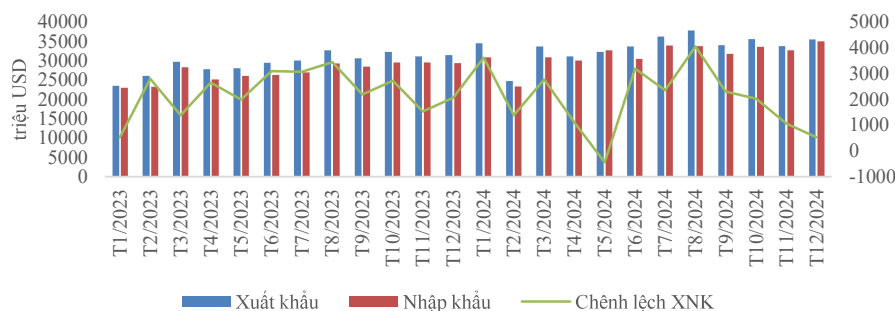


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD – đây là năm thứ chín liên tiếp xuất siêu. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,52 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 50,29 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2023 – 2024)



Nguồn: TCTK

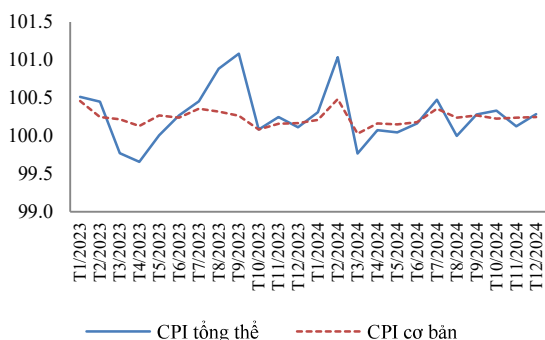
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tăng so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra

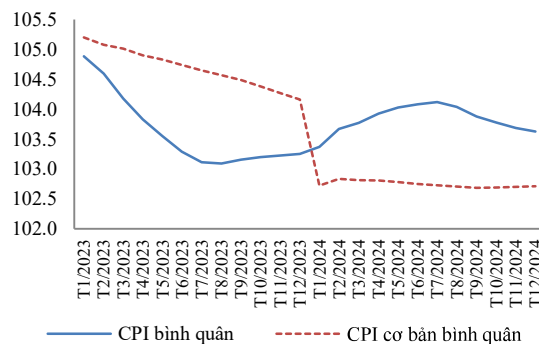
Kết thúc năm 2024, CPI bình quân tăng 3,63% so với năm 2023 – đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong quý IV/2024, CPI tăng 2,87% so với cùng kỳ năm trước; CPI tháng 12/2024 tăng 0,29% so với tháng trước và tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2024 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2024 tăng 2,71% so với bình quân năm 2023.

CPI so với tháng trước (%)

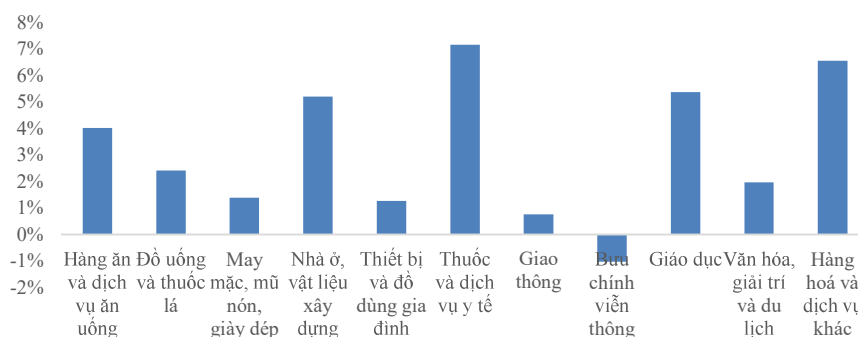


CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Diễn biến tăng giảm chỉ số CPI bình quân của các nhóm hàng trong năm 2024



Nguồn: TCTK

VBQPPL quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 12 năm 2024

Công văn số 9885/BCT-TTTN ngày 05/12/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 24 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 294 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 395 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 325 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: không thay đổi so với giá cơ sở hiện hành.

Công văn số 10183/BCT-TTTN ngày 12/12/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 3 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 33 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 127 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 251 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 551 đồng/kg.

Công văn số 10388/BCT-TTTN ngày 15/12/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 383 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 408 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 478 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 402 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 329 đồng/kg.

Công văn số 10607/BCT-TTTN ngày 26/12/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

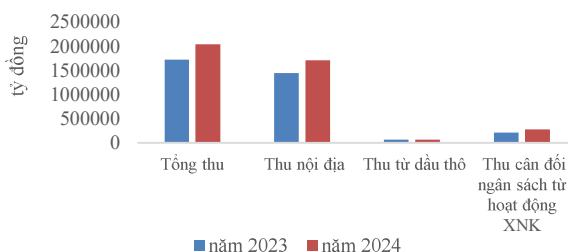
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 427 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 457 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 103 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 260 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 67 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

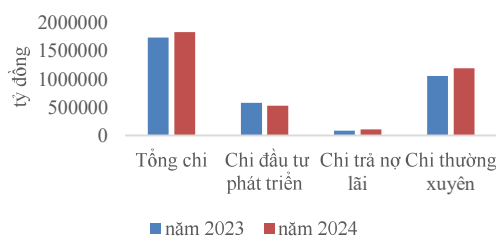
Tổng thu ngân sách Nhà nước ước tính năm 2024 ước đạt 2.037,5 nghìn tỷ đồng, bằng 119,8% dự toán năm và tăng 16,2% so với năm trước. Trong đó, thu nội địa ước đạt 1.706,4 nghìn tỷ đồng, bằng 118,1% dự toán năm và tăng 16% so với năm trước; thu từ dầu thô ước đạt 58,6 nghìn tỷ đồng, bằng 127,5% dự toán năm và giảm 5,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 271,3 nghìn tỷ đồng, bằng 133% dự toán năm và tăng 24,1%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2024 ước tính đạt 1.830,8 nghìn tỷ đồng, bằng 86,4% dự toán năm và tăng 5,7% so với năm trước, trong đó, chi thường xuyên ước đạt 1.190,7 nghìn tỷ đồng, bằng 94,5% dự toán năm và tăng 12,5% so với năm trước; chi đầu tư phát triển ước đạt 529,1 nghìn tỷ đồng, bằng 78,1% và giảm 8,7%; chi trả nợ lãi 108,3 nghìn tỷ đồng, bằng 97% và tăng 20,2%.

Thu NSNN năm 2023 - 2024



Chi NSNN năm 2023 - 2024



Nguồn: TCTK